

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 5 - 2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Trần Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2020, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Kim Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2020 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn N trình bày:

Vào năm 1991, ông (Nguyễn Văn N) và bà Võ Thị Kim Đ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc, sau một quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, đánh nhau thường xuyên và bất đồng quan điểm. Ông và bà Đ không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2019 cho đến nay.

Ông nhận thấy không có khả năng hòa giải, hàn gắn; hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên ông yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Kim Đ. Về con chung có 02 người tên là Nguyễn Văn Đ1 (giới tính nam), sinh ngày 01/01/1993 và Nguyễn Tường D (giới tính nữ), sinh ngày 15/02/1998. Hiện con chung đều trưởng thành có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/4/202, bị đơn là bà Võ Thị Kim Đ trình bày:

Bà (Võ Thị Kim Đ) và ông Nguyễn Văn N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1991 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn đúng như ông N trình bày. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, phát sinh tranh cãi nên ông N yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý. Về con chung có 02 người hiện đã trưởng thành có khả năng tự lao động sinh sống đúng như ông N trình bày, về con chung bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn N yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Kim Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Võ Thị Kim Đ yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối bà Võ Thị Kim Đ.

[2]. Xét về hôn nhân, ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kim Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông N cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Gia đình hai bên đã hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Ông và bà Đ không còn sống chung từ tháng 12/2019 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm dành cho bà Đ không còn nên ông cương quyết yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Kim Đ. Bà Đ xác định việc không có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn cũng như thời gian không còn chung sống đúng như ông N đã khai. Bà đồng ý ly hôn. Do hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kim Đ vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kim Đ không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kim Đ không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kim Đ thống nhất xác định có 02 người tên là Nguyễn Văn Đ1 (giới tính nam), sinh ngày 01/01/1993 và Nguyễn Tường D (giới tính nữ), sinh ngày 15/02/1998. Hiện con chung đều trưởng thành có khả năng tự lao động sinh sống nên cả hai không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kim Đ thống xác định không có, đồng thời cả hai người không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Văn N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kim Đ là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn N đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011545, ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Võ Thị Kim Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước